

Phụ lục 03
THỜI GIAN, SỐ TIẾT CHO TỪNG MÔN HỌC, TỪNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG TỪNG HỌC KÌ CỦA NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: 26/KH-THCSNLB ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Lương Bằng)

T T	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7			Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	Ngữ văn	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68
2	Toán	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68
3	Tiếng Anh	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
4	Giáo dục công dân	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Lịch Sử và Địa lý	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
6	Khoa học tự nhiên	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68
7	Công nghệ	35	18	17	35	18	17	52	18	34	52	36	16
8	Tin học	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Nghệ thuật	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
TỔNG		1015	522	493	1015	522	493	1032	522	510	1032	540	491

Phụ lục 04

**THỜI GIAN LÀM BÀI VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
NĂM HỌC 2025 - 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 26/KH-THCSNLB ngày 15 tháng 9 năm 2025
của Trường THCS Nguyễn Lương Bằng)*

Stt	Môn, hoạt động giáo dục	KIỂM TRA GIỮA KÌ		KIỂM TRA CUỐI KÌ	
		Hình thức kiểm tra	Thời gian làm bài	Hình thức kiểm tra	Thời gian làm bài
1	Khoa học tự nhiên 6, 7	16TN+4TL	60 phút	16TN+4TL	60 phút
	Khoa học tự nhiên 8, 9	16TN+4TL	60 phút	16TN+4TL	90 phút
2	Công nghệ	Theo KHDH	45 phút	Theo KHDH	45 phút
3	Phân môn Lịch sử	8TN+2TL	45 phút	8TN+2TL	45 phút
	Phân môn Địa lí	8TN+2TL	45 phút	8TN+2TL	45 phút
4	Giáo dục địa phương	8TN+2TL	45 phút	8TN+2TL	45 phút
5	Hoạt động trải nghiệm	Đánh giá, phân tích sản phẩm của học sinh	90 phút	Đánh giá, phân tích sản phẩm của học sinh	90 phút
6	Nghệ thuật	Theo KHDH	45 phút	Theo KHDH	45 phút
7	Giáo dục công dân	12TN+3TL	45 phút	12TN+3TL	45 phút
8	Tin học	24TN+3TL	45 phút	24TN+3TL	45 phút
9	Toán 6, 7, 8	12TN (3đ) + 4TL (7đ)	90 phút	12TN (3đ) + 4TL (7đ)	90 phút
	Toán 9	TL	90 phút	TL	90 phút
10	Ngữ văn	TL (2 phần: Đọc hiểu)	90 phút	TL (Đọc hiểu và Viết)	90 phút
11	Tiếng Anh	TN-LN (không có phần nói)	60 phút	TN-LN (4 kĩ năng)	60-90 phút
12	Giáo dục thể chất	Theo KHDH	45 phút	Theo KHDH	45 phút